

LẬP TRÌNH WEB

www.w3schools.com

...

PHẦN 1: NGÔN NGỮ HTML

(HyperText Mark up Language)

Nội dung

Giới thiệu HTML

Các thẻ HTML cơ bản

HTML (HyperText markup Language) gồm các đoạn mã chuẩn được quy ước để thiết kế Web và được hiển thị bởi trình duyệt Web

- Hypertext (Hypertext link)*** là một từ hay một cụm từ đặc biệt dùng để tạo liên kết giữa các trang web
- Mark up***: là cách định dạng văn bản để trình duyệt hiểu và thông dịch được.
- Language***: tập những quy luật để định dạng văn bản trên trang web.

Webpage: là một file văn bản chứa những tag HTML hoặc những đoạn mã đặc biệt mà trình duyệt web có thể hiểu và thông dịch được, file được lưu với phần mở rộng là **.html** (tập tin HTML)

Website: Một tập hợp **nhiều web page**, thể hiện thông tin của một tổ chức hoặc một chủ đề nào đó

Web Editor : Có thể soạn thảo web page trên bất kỳ trình soạn thảo văn bản nào: Notepad, Dreamweaver,...





BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Đổi mới, nâng tầm cao mới - Năng động, hội nhập toàn cầu

TRANG CHỦ

GIỚI THIỆU ▾

ĐÀO TẠO ▾

NGHIÊN CỨU

SINH VIÊN

GIẢNG VIÊN

VĂN BẰNG

Tìm kiếm...



CƠ CẤU TỔ CHỨC

LÃNH ĐẠO



CÁC PHÒNG BAN



CÁC KHOA



CÁC VIỆN



CÁC TRUNG TÂM



> SINH VIÊN

CHIA SẺ



THÀNH TÍCH
HỌC TẬP



CHUYÊN TRANG
ĐÀO TẠO



THÔNG TIN
HỌC BỔNG



THÔNG TIN
ĐOÀN - HỘI

☒ XEM KẾT QUẢ HỌC TẬP

☒ ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN

☒ XEM LỊCH HỌC

☒ XEM LỊCH THI

☒ ĐÓNG HỌC PHÍ

Chỉ đề năm học 2015-2016

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO & DỊCH VỤ



viuh.edu.vn/ketquahoctap/?MenuID=155

W3Schools Online Web T x

←

→

↻

🏠

🔍 www.w3schools.com 🔍 ⭐

🗑️

⋮

📁 Family - OneDrive 📁 english 📁 Java 📁 Client-server 📁 DotNet 📁 HTML5 📁 Testing »

w3schools.com

THE WORLD'S LARGEST WEB DEVELOPER SITE

TUTORIALS ▾ REFERENCES ▾ EXAMPLES ▾ 🔍

HTML and CSS

Learn HTML

Learn CSS

Learn W3.CSS

Learn Colors

Learn Bootstrap

Learn Icons

Learn Graphics

Learn How To

JavaScript

Learn JavaScript

Learn jQuery

Learn jQueryMobile

Learn AppML

Learn AngularJS

Learn JSON

Learn AJAX

Server Side

Learn SQL

Learn PHP

Learn ASP

Web Building

Web Templates

Web Statistics

Web Certificates

XML Tutorials

Learn XML

Learn XML AJAX

Learn XML DOM

Learn XML DTD

HTML

The language for building web pages

LEARN HTML HTML REFERENCE

HTML Example:

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<title>HTML Tutorial</title>
<body>

<h1>This is a heading</h1>
<p>This is a paragraph.</p>

</body>
</html>
```

Try it Yourself »

CSS Example:

```
body {
  background-color: lightblue;
}
h1 {
  color: white;
  text-align: center;
}
p {
  font-family: verdana;
  font-size: 20px;
}
```

Try it Yourself »

CSS

The language for styling web pages

LEARN CSS CSS REFERENCE

Ví dụ

```
<!DOCTYPE HTML>
```

```
<html>
```

```
  <head>
```

```
    <title>Hello world!</title>
```

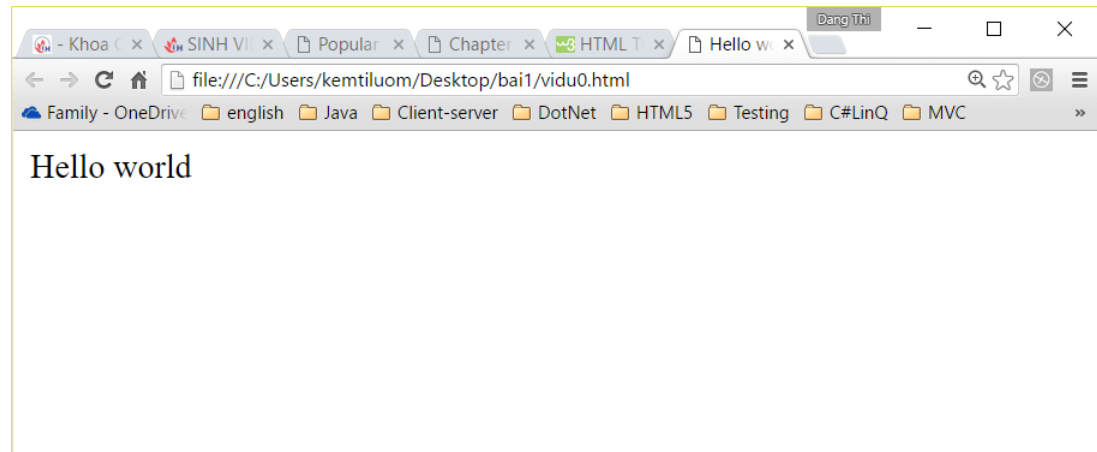
```
  </head>
```

```
  <body>
```

```
    Hello world!
```

```
  </body>
```

```
</html>
```



Giải thích

`<!DOCTYPE html>`: thẻ đầu tiên phải bắt buộc có cho 1 tập tin HTML5, kiểm tra tính hợp lệ cho tài liệu HTML

`<html>`: thẻ chứa

- `<head>` : phần đầu của trang không hiển thị trên trình duyệt web (web browser)
- `<body>`: nội dung của trang được hiển thị trên trình duyệt web (web browser)

Thẻ html chứa 2 loại thẻ `<html>` thẻ mở, `</html>` thẻ đóng,...

```
<!DOCTYPE HTML>
<HTML>
  <HEAD>
    <TITLE>Tiêu đề của trang web </TITLE>
    <meta charset="UTF-8">
    <meta name="description" content="...">
    <meta name="keywords" content="...">
    <meta name="author" content="...">
  </HEAD>
  <BODY>
    Nội dung hiển thị trên trình duyệt
  </BODY>
</HTML>
```

Thẻ HTML cơ bản

Có 2 loại thẻ:

`<tên_thẻ>`: thẻ mở

`</tên_thẻ>`: thẻ đóng

Cú pháp:

`<tên_thẻ thuộc_tính="giá_trị" > nội_dung
</tên_thẻ>`

Ví dụ:

`<html> </html>`

`<body bgcolor="pink" text="red"> ... </body>`

1. **<Title>** : Hiển thị nội dung tiêu đề của trang web trên thanh tiêu đề của trình duyệt

Cú pháp:

<TITLE> Nội dung tiêu đề </TITLE>

2. **<H_n>**: Tạo header, gồm 6 cấp header, được đặt trong phần BODY. Với $n=[1..6]$.

Cú pháp

<H_n ALIGN= “left|right|center”>

Nội dung của Header

</H_n>

3. **<P>** : Dùng để ngắt đoạn và bắt đầu đoạn mới. (Enter)

Cú pháp:

<P ALIGN = “left|right|center|justify”>

Nội dung của đoạn

</P>

4. **
**: Ngắt dòng tại vị trí của của tag. (Shift Enter)

5. **<HR>**: Kẻ đường ngang trang

Cú pháp:

**<HR Align=“left|right|center” Width= “100px|2cm”
Size=“3px” color=“#rrggbb”>**

6. : định dạng font chữ

Định dạng Font chữ

Cú pháp:

Nội dung hiển thị

7. **<BODY>** : Chứa nội dung của trang web **<BODY>**

Nội dung chính của trang web
</BODY>

Các thuộc tính của <Body>

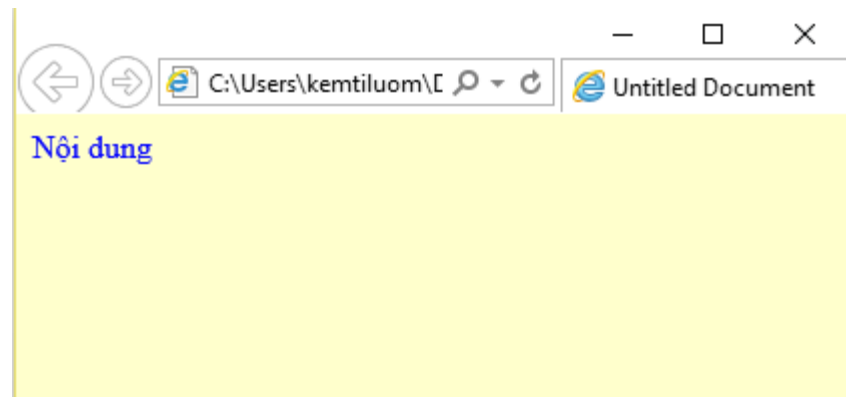
- BgColor: thiết lập màu nền của trang
- Text: thiết lập màu chữ
- Background: tạo hình làm nền cho trang
- LeftMargin: Canh lề trái
- TopMargin: Canh lề trên của trang

Ví dụ:

```
<!DOCTYPE>  
<html>  
<head>  
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html;  
charset=utf-8" />  
<title>Untitled Document</title>  
</head>  
  
<body BGCOLOR="#FFFFCC" text="blue">
```

Nội dung

```
</body>  
</html>
```



8. : Chèn một hình ảnh vào trang Web

Cú pháp:

```

```

- URL: tập tin hình cần chèn vào trang Web
- Alt: chuỗi thay thế nếu hình không thể hiển
- Width, Height: chiều rộng, chiều cao (px). (mặc định)
- Border: đường viền quanh hình

Ví dụ:



```

```

9. **<audio>** : Chèn một âm thanh vào trang Web. Âm thanh này sẽ được phát mỗi khi người sử dụng mở trang Web.
-

Cú pháp:

<audio>

<source src="URL" type="loại_file">

</audio>

- ❑ URL: tên tập tin âm thanh
- ❑ Type: {audio/mpeg | audio/ogg | audio/wav}

```
<audio controls>
  <source src="horse.ogg" type="audio/ogg">
  <source src="horse.mp3" type="audio/mpeg">
  Your browser does not support the audio element.
</audio>
```



10. `<Marquee></Marquee>` : Điều khiển đối tượng chạy một cách tự động trên trang Web

Cú pháp:

`<Marquee direction="left|right|up|down">Nội dung</Marquee>`

11. `<!-- Ghi chú -->`: không hiển thị trong trang

Cú pháp:

`<!-- Nội dung lời chú thích -->`

12. ``: định dạng chữ đậm

Cú pháp

` Nội dung chữ đậm`

13. <I>: Định dạng chữ nghiêng

Cú pháp:

<I> *Nội dung chữ nghiêng*</I>

14. <U>: Gạch chân văn bản

Cú pháp:

<U> Nội dung chữ gạch chân</U>

15. <sub>: nội dung văn bản hạ xuống

Cú pháp:

_{Nội dung}

16. <sup>: nội dung văn bản lên cao

Cú pháp:

^{Nội dung}

17. <blockquote>:

Dùng phân cách một khối văn bản để nhấn mạnh, đoạn văn bản này được tách thành một paragraph riêng, thêm khoảng trắng trên và dưới đoạn đồng thời thụt vào so với lề trái (tương đương chức năng của phím tab)

Cú pháp:

<blockquote>

Nội dung khối văn bản nhấn mạnh

</blockquote>

18. <address>: hiển thị nội dung ở dạng địa chỉ cá nhân với các định dạng riêng. (thường đặt ở phần footer trang web)

Cú pháp:

<address> Họ tên: ...
 email:
 </address>

```
<address>
```

```
Written by <a href="mailto:webmaster@example.com">Jon Doe</a>.<br>
```

```
Visit us at:<br>
```

```
Example.com<br>
```

```
Box 564, Disneyland<br>
```

```
USA
```

```
</address>
```

Written by [Jon Doe](#).

Visit us at:

Example.com

Box 564, Disneyland

USA

19. Các ký tự đặc biệt:

Ký tự khoảng trắng: ` `;

Ký tự và `&`: `&`;

Lớn hơn (`>`): `>`;

Nhỏ hơn (`<`): `<`;

Cặp nháy’”’: `"`;

.....

Bài tập về nhà:

- Bài Tập HTML (download)
- Tutorial 01